



Văn phòng Quốc hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	14.500
	VỐN TRONG NƯỚC	14.500



Văn phòng Trung ương Đảng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	304.500
	VỐN TRONG NƯỚC	304.500



Văn phòng Chính phủ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	144.200
	VỐN TRONG NƯỚC	144.200



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	838.000
	VỐN TRONG NƯỚC	838.000



Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	996.499
	VỐN TRONG NƯỚC	996.499
	<i>Trong đó:</i>	
-	Bố trí lại từ nguồn thu xử lý sắp xếp nhà đất cho các bộ, cơ quan trung ương ⁽¹⁾	177.199

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.



Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	411.600
	VỐN TRONG NƯỚC	411.600



Bộ Ngoại giao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	500.000
	VỐN TRONG NƯỚC	500.000



Bộ Tư pháp

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	540.800
	VỐN TRONG NƯỚC	540.800



Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	753.900	250.000
	VỐN TRONG NƯỚC	753.900	250.000



Bộ Tài chính

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	2.621.000	2.063.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.621.000	2.063.000



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	9.851.846	440.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	8.051.846	440.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.800.000	



Bộ Công Thương

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	872.248	70.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	710.000	70.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	162.248	



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	94.161.562	54.549.011
I	VỐN TRONG NƯỚC	89.202.886	54.549.011
	Trong đó:		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	4.753.726	
-	Bố trí lại từ nguồn thu xử lý sắp xếp nhà đất cho các bộ, cơ quan trung ương ⁽²⁾	26.331	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	4.958.676	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa bộ, cơ quan trung ương bố trí để thu hồi

(2) Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.



Bộ Xây dựng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	575.940
I	VỐN TRONG NƯỚC	550.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	25.440



Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	615.900
	VỐN TRONG NƯỚC	615.900



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	293.700
	VỐN TRONG NƯỚC	293.700
	<i>Trong đó:</i>	
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý	100.000



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	2.220.832	780.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.440.484	780.000
	Trong đó:		
-	Bố trí lại từ nguồn thu xử lý sắp xếp nhà đất cho các bộ, cơ quan trung ương ⁽¹⁾	362.084	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	780.348	

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.



Bộ Y tế

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	2.063.400	1.465.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.063.400	1.465.000



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	1.933.200	628.000
	VỐN TRONG NƯỚC	1.933.200	628.000



Bộ Nội vụ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	641.100	400.000
	VỐN TRONG NƯỚC	641.100	400.000



Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	1.293.563	950.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.241.300	950.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	52.263	



Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	1.610.235
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.430.035
	<i>Trong đó:</i>	
-	Bố trí lại từ nguồn thu xử lý sắp xếp nhà đất cho các bộ, cơ quan trung ương ⁽¹⁾	4.735
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	180.200

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.



Thanh tra Chính phủ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	26.400
	VỐN TRONG NƯỚC	26.400



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	24.283.993	23.965.093
	VỐN TRONG NƯỚC	24.283.993	23.965.093
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất 2%/năm thông qua hệ thống ngân hàng thương mại thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		23.965.093



Ủy ban dân tộc

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	23.600
	VỐN TRONG NƯỚC	23.600



Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	36.200
	VỐN TRONG NƯỚC	36.200



Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	2.849.470
I	VỐN TRONG NƯỚC	549.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.300.470



Thông tấn xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	135.600
	VỐN TRONG NƯỚC	135.600



Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	280.500
	VỐN TRONG NƯỚC	280.500



Đài Truyền hình Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	204.700
	VỐN TRONG NƯỚC	204.700



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	88.000
	VỐN TRONG NƯỚC¹	88.000

Chú thích:

(1) Chỉ thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn cho dự án khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công.



Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	128.500
	VỐN TRONG NƯỚC	128.500



Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	98.600
	VỐN TRONG NƯỚC	98.600



Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	608.600
	VỐN TRONG NƯỚC	608.600



Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	151.900
	VỐN TRONG NƯỚC	151.900



Hội nông dân Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	43.900
	VỐN TRONG NƯỚC	43.900



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	1.301.762
I	VỐN TRONG NƯỚC	434.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	867.262



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	1.353.007
I	VỐN TRONG NƯỚC	681.600
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	671.407



Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	4.313.000
	VỐN TRONG NƯỚC	4.313.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	4.100.000
-	Cấp bù lãi suất và phí quản lý	213.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa bộ, cơ quan trung ương bố trí để thu hồi



Ngân hàng Chính sách xã hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.999.100	2.600.000
	VỐN TRONG NƯỚC	4.999.100	2.600.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý	2.399.100	
-	Cấp bù lãi suất và phí quản lý; hỗ trợ lãi suất cho đối tượng vay vốn theo các chương trình tín dụng chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		2.600.000



Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	<i>Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>
	TỔNG SỐ	320.000	120.000
	VỐN TRONG NƯỚC	320.000	120.000



Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	170.500
	VỐN TRONG NƯỚC	170.500



Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	25.500
	VỐN TRONG NƯỚC	25.500



Hội Nhà báo Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	4.900
	VỐN TRONG NƯỚC	4.900



Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	214.400
	VỐN TRONG NƯỚC	214.400



Hội Nhà văn Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	9.900
	VỐN TRONG NƯỚC	9.900



Hội Luật gia Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	5.800
	VỐN TRONG NƯỚC	5.800



Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	52.500
	VỐN TRONG NƯỚC	52.500
	<i>Trong đó:</i>	
-	Bố trí lại từ nguồn thu xử lý sắp xếp nhà đất cho các bộ, cơ quan trung ương ⁽¹⁾	52.500

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	6.266.453	1.341.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.229.340	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	821.640	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	300.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	84.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.037.113	1.341.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	4.324.318	1.341.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	917.326	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	485.792	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	86.200	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	420.940	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	712.795	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.280.564	2.605.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.158.740	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	556.740	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	580.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.121.824	2.605.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	4.114.524	2.605.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	455.995	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	112.449	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	154.480	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	127.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	7.300	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.082.966	196.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.113.551	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	800.051	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	300.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.969.415	196.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.922.244	196.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	656.800	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	441.554	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	59.990	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	500.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	47.171	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.891.923	198.800
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.250.038	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	717.938	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	19.100	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.641.885	198.800
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.425.915	198.800
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	543.193	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	166.232	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	161.490	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	500.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	215.970	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.341.971	226.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.815.957	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	672.157	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	31.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.800	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.526.014	226.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.250.964	226.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	510.429	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	273.385	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	89.550	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	275.050	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.790.604	277.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.486.347	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	556.547	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	800.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	94.800	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.304.257	277.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.962.674	277.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	343.434	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	111.550	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	153.490	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	341.583	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.863.264	275.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.014.201	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	913.501	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	4.800.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	287.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.849.063	275.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.711.714	275.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	185.518	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.656	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	231.240	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	700.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	137.349	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	2.682.045	154.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	600.505	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	420.705	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	150.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	19.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	10.800	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.081.540	154.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.875.598	154.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	395.135	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	105.463	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	96.500	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	400.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	205.942	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.021.772	282.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.562.186	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	537.186	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.459.586	282.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.459.586	282.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	239.778	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.848	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	269.260	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	305.575	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	300.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BẢO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.973.006	333.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.204.140	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	647.440	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	4.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	31.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.768.866	333.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.563.740	333.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	198.110	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	126.090	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	216.040	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽³⁾	199.055	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽⁴⁾	300.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	205.126	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(4) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	10.090.933	4.884.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.751.537	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	606.837	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	124.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.339.396	4.884.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	7.015.721	4.884.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	361.171	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	134.200	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	123.250	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	800.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	323.675	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.342.872	241.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.921.931	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	966.731	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	802.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	59.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	94.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.420.941	241.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.279.941	241.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	780.453	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	167.368	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	116.020	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	591.294	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	141.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.452.826	143.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	848.827	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	623.827	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	200.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.603.999	143.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.603.999	143.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	546.808	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	268.441	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	66.550	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	620.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.624.531	186.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.299.619	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	696.319	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	68.300	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.324.912	186.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.020.518	186.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	632.564	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	435.974	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	108.080	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	601.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	304.394	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	46.956.098
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	42.108.477
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	24.059.777
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	17.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	320.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	728.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.847.621
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.586.800
	<i>Trong đó:</i>	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	186.857
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	2.399.943
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.260.821

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BẢO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	13.403.337	242.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.044.367	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.857.767	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	6.139.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	39.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	2.008.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.358.970	242.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.186.300	242.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	90.864	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	226.346	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	172.670	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023*(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	14.971.728
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.700.291
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.842.291
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	7.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	48.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	310.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.271.437
I	VỐN TRONG NƯỚC	538.400
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	733.037

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.804.603	304.999
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.714.904	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	767.304	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	3.700.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	38.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	209.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.089.699	304.999
I	VỐN TRONG NƯỚC	969.699	304.999
	<i>Trong đó:</i>		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	192.475	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	300.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	120.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	12.006.358	126.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.559.258	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	588.258	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	8.950.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.447.100	126.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.447.100	126.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.070.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	7.688.404
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.343.765
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.250.965
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.269.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	344.639
I	VỐN TRONG NƯỚC	304.200
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	100.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	40.439

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	8.022.189	1.120.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.470.489	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.444.989	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	3.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	3.500	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.551.700	1.120.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.551.700	1.120.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	44.500	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.200.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.371.575	2.689.400
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.072.375	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	526.375	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	3.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	46.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.299.200	2.689.400
	VỐN TRONG NƯỚC	3.299.200	2.689.400
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	250.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.463.393	1.511.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.043.385	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	707.385	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.300.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.420.008	1.511.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.404.433	1.511.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.113	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	149.220	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	15.575	

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	6.450.213	137.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.023.223	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.937.023	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	36.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.426.990	137.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.342.600	137.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	284.750	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	450.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	84.390	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.909.902	310.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.404.371	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	754.471	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	78.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	71.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.505.531	310.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.454.984	310.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.884	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	150.100	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	300.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	50.547	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	12.505.572	937.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.805.657	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.489.057	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	7.100.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	193.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.699.915	937.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.268.849	937.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	310.809	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	458.850	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	528.190	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	431.066	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	9.033.500	748.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.072.701	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.342.001	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	3.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	204.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.960.799	748.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.664.853	748.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	632.118	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	204.445	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	344.190	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	800.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	295.946	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.983.324	810.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.494.091	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	626.491	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.600.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	10.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	257.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.489.233	810.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.912.630	810.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.594	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.656	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	183.280	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	730.025	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	576.603	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.492.314	150.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.378.325	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	478.625	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	55.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	344.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.113.989	150.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.713.038	150.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	206.068	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	14.970	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	144.700	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	400.951	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.089.745	161.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.329.012	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	416.312	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	800.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	72.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.760.733	161.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.350.817	161.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	192.739	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	79.518	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	95.860	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	160.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	409.916	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.758.257	411.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.053.266	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	499.666	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	85.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	468.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.704.991	411.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.021.041	411.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	120.432	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	154.709	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	91.900	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	500.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	683.950	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.947.132	208.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.384.132	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.209.132	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	175.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.000.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	563.000	208.000
	VỐN TRONG NƯỚC	563.000	208.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	6.873.766	621.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.852.093	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.287.093	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	490.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.021.673	621.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.589.660	621.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	339.115	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	378.525	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	178.120	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	250.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	432.013	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	6.789.417	631.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.367.782	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.561.082	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	236.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.421.635	631.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.390.873	631.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	282.724	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	113.679	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	100.970	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	440.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	30.762	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.423.830	353.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.847.180	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	585.680	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	4.050.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	120.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	91.500	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.576.650	353.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.406.268	353.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	112.694	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	118.844	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	105.630	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	357.992	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	400.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	170.382	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.611.569	383.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.904.824	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	418.624	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.200.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	116.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	170.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.706.745	383.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.434.209	383.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	82.129	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.970	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	86.810	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	30.000	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	272.536	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.014.021	952.200
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.036.506	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.747.206	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	850.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	220.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.219.300	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.977.515	952.200
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.724.853	952.200
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	84.428	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	151.325	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	252.662	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.022.454	407.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	849.189	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	325.789	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	248.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	73.500	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	201.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.173.265	407.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.656.265	407.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	153.059	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	55.776	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	68.730	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	25.672	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	618.500	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	517.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.868.977	177.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.034.077	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	513.077	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	21.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.834.900	177.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.700.430	177.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	67.806	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.044	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	137.480	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	599.730	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	436.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	134.470	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.992.032	1.095.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.689.973	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	905.573	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.600.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	130.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	54.400	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.302.059	1.095.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.098.059	1.095.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	505.491	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	181.368	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	162.000	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	204.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.137.763	262.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.088.143	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	463.943	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	550.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	47.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.049.620	262.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.923.890	262.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	265.221	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	162.989	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	118.080	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽³⁾	16.110	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽⁴⁾	280.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	125.730	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(4) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.461.193	362.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.222.503	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	869.503	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.200.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	130.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	23.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.238.690	362.000
	VỐN TRONG NƯỚC	2.238.690	362.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	380.452	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	65.698	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	293.340	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	200.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.587.159	345.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.086.237	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	532.037	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	400.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	77.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	77.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.500.922	345.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.428.555	345.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	429.596	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	141.429	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	104.130	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	157.581	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	72.367	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.303.589	255.100
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.890.709	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	651.809	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.650.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	88.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.412.880	255.100
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.262.880	255.100
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	141.369	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.271	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	129.740	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽¹⁾	102.300	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	594.304	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	150.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	70.518.116	296.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	55.225.135	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	29.064.035	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	12.845.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	9.316.100	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	15.292.981	296.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	13.880.400	296.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	13.400.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.412.581	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	11.683.205	1.336.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.748.405	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.518.405	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.730.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.000.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.934.800	1.336.000
	VỐN TRONG NƯỚC	1.934.800	1.336.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	110.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	12.182.893	35.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.040.393	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.563.593	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.670.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	306.800	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.142.500	35.000
	VỐN TRONG NƯỚC	3.142.500	35.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.640.000	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.424.731	174.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.426.610	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	502.210	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	5.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	24.400	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	998.121	174.000
	VỐN TRONG NƯỚC	998.121	174.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.079	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	149.080	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	200.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.061.544	130.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.796.946	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	563.946	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.670.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	63.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.264.598	130.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	999.361	130.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.412	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.079	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	114.170	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	400.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	265.237	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	10.792.111	1.018.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.174.111	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.324.111	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.300.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.550.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.618.000	1.018.000
	VỐN TRONG NƯỚC	1.618.000	1.018.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	600.000	

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	8.811.467	541.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.906.846	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.232.146	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	2.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.610.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.064.700	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.904.621	541.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.807.856	541.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.656	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	219.800	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.108.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	96.765	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.954.925	729.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.123.281	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	654.081	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	800.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.660.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	9.200	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.831.644	729.000
	VỐN TRONG NƯỚC	1.831.644	729.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.884	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	153.460	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	250.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.305.584	1.045.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.406.691	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	405.791	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	200.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.570.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	230.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.898.893	1.045.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.363.606	1.045.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	68.156	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	216.950	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước ⁽²⁾	107.271	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	535.287	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối đa địa phương bố trí để thu hồi



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.463.233	366.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.394.395	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	658.495	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	150.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.530.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	55.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.068.838	366.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.965.545	366.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	141.905	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.970	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	84.370	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	220.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	103.293	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.437.703	316.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.997.597	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	574.697	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	350.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.650.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	422.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.440.106	316.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.099.656	316.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13.417	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.079	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	125.160	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	100.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	340.450	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.875.185	1.095.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.144.935	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.465.935	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	700.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.650.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.329.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.730.250	1.095.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.965.700	1.095.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	350.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	764.550	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.754.233	1.217.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.128.824	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	588.224	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	350.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.100.000	
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	90.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.625.409	1.217.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.454.035	1.217.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12.355	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.970	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	87.010	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	300.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	171.374	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.850.643	1.253.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.885.957	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	814.357	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	300.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.583.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	188.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.964.686	1.253.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.899.691	1.253.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	183.738	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	11.733	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	108.720	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	400.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	64.995	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	7.648.285	1.596.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.765.576	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.289.976	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	500.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.700.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	275.600	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.882.709	1.596.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.304.538	1.596.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	44.203	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ⁽¹⁾	115.055	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽²⁾	211.280	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽³⁾	250.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	578.171	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung này năm 2023 chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(2) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(3) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)
(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.644.875	1.170.500
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.226.904	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	776.904	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	850.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.417.971	1.170.500
	VỐN TRONG NƯỚC	2.417.971	1.170.500
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.341	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	127.830	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	250.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	5.581.736	562.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.766.189	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.066.189	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.700.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.815.547	562.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.785.547	562.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	73.473	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	12.884	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	114.690	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	30.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	3.900.656	363.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.314.418	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	463.018	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	190.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.575.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	86.400	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.586.238	363.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.481.421	363.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	16.911	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.970	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	54.340	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	286.685	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	104.817	

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(BAO GỒM CẢ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI)

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch 2023	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	TỔNG SỐ	4.250.070	387.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.679.605	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	657.705	
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	380.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	41.900	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.570.465	387.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.476.487	387.000
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	39.878	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	21.079	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới ⁽¹⁾	128.530	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽²⁾	330.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	93.978	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí